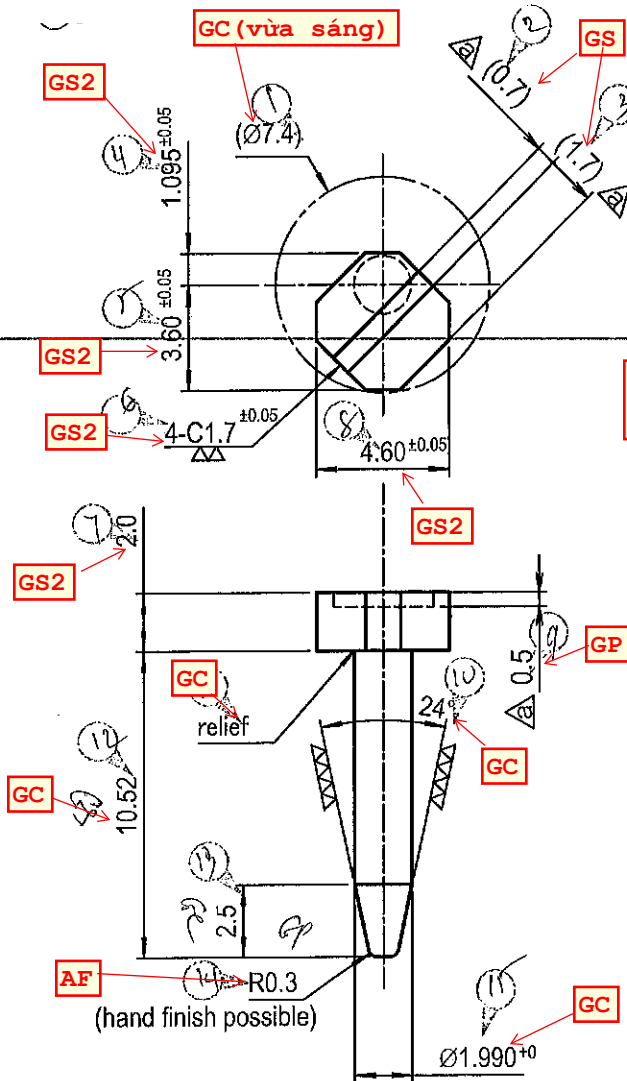


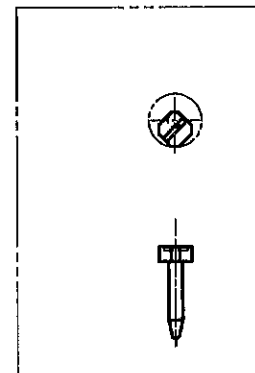
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/01/26	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0005	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2022/02/07	組立容易(現物識別不要)		Yang_Yuh_Chyn	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0005	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△							0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED	
FINISH MARKS	
G (▽▽▽▽)	



GS1 cắt Ø7.3\*25  
GS2: gia công bậc trước khi cắt ra

4:1



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	SKD11	1:1	部品図 PART DRAWING	パイロットピン PILOT PIN
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	定位销 定位銷
Lin_Wei_Cheng	QUENCH&TEMPER	A4V	DATE	DWG.No.
DWN.	HRC 60	62	2018/01/26	R172237

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 302 0310

SNO: **R172237**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKH51</b> <b>Ø7.3*25</b>	GS1:10 GC:75 AF:10 GS2:75 KT